



Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin
Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dùng Pin
DF003G 13mm / HP003G 13mm



XGT
40V **LI-ION**
max



Nâng cao hiệu quả trong các công việc nặng với 3 chế độ tốc độ

Hiệu quả công việc
tăng lên

khoảng **2 lần***
(Chế độ tốc độ vừa)



Máy Khoan, Vặn Vít Dùng Pin
DF003G
13 mm (1/2")



Máy Khoan Búa,
Vặn Vít Dùng Pin
HP003G
13 mm (1/2")

*Bắt vít SPAX (ø8 x 400 mm) vào gỗ thông Douglas
So với những mẫu tiền nhiệm

BL **AFT** **XPT**
MOTOR

Lực siết tối đa **180 N·m**



Bắt vít SPAX (ø8 x 400 mm) vào gỗ thông Douglas
Với pin BL4040F

HP/DF003G

* Chế độ tốc độ trung bình

210

Máy tiến nhiệm

* Chế độ tốc độ thấp

100

Chậm

Tốc độ khoan

Nhanh

Tốc độ quay cao 2,400 v/p

3 chế độ tốc độ: Có thể điều chỉnh phù hợp với công việc và vật liệu.



Chuyển đổi mượt mà với tiếng 'click' rõ ràng

Tốc độ quay (v/p)

Thấp 0 - 650

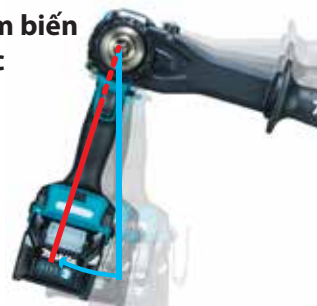
Vừa 0 - 1,800

Cao 0 - 2,400

AFT Công nghệ cảm biến tốc độ điều tốc

Tự động tắt động cơ nếu vòng quay của mũi khoan đột ngột bị dừng lại.

Tự động dừng lại



4 đèn LED

Được đặt bên dưới tay cầm để bao phủ rộng hơn.



Độ sáng cao /
Vùng chiếu sáng rộng

Thời gian hoạt động khoảng
1 giờ ở chế độ đèn.

41 mức cài đặt lực siết điện tử ở chế độ thấp

Để siết chính xác trong nhiều ứng dụng khác nhau



Điều chỉnh
nút xoay dễ dàng

với màn hình kỹ thuật số



SOFT START

Khởi động êm (với chế độ tốc độ thấp)

Giảm lực giật khi khởi động với các mũi khoan có quán tính lớn

XPT

Khả năng chống nước cao

Thời gian sạc

	Sạc nhanh DC40RA	Sạc tiêu chuẩn DC40RC
BL4020 2.0Ah	22 phút	30 phút
BL4025 2.5Ah	28 phút	38 phút
BL4040 4.0Ah	45 phút	67 phút
*1BL4050F 5.0Ah	50 phút	85 phút
BL4080F 8.0Ah	76 phút	170 phút

*1 Pin được đề xuất

Máy Khoan, Vặn Vít Dừng Pin

DF003GZ

Máy Khoan Búa, Vặn Vít Dừng Pin

HP003GZ

	DF003G	HP003G
Nhiều tốc độ	Tốc độ không tải Cao: 0 - 2,400 v/p / Vừa: 0 - 1,800 v/p / Thấp: 0 - 650 v/p	Cao: 0 - 2,400 v/p / Vừa: 0 - 1,800 v/p / Thấp: 0 - 650 v/p
Hãm bằng điện	Tốc độ đập -	Cao: 0 - 36,000 l/p / Vừa: 0 - 27,000 l/p / Thấp: 0 - 9,750 l/p
Kiểu đào chiều quay	Khả năng khoan Gỗ (Mũi khoét gỗ): 92 mm (3-5/8") / Gỗ (Mũi khoét): 152 mm (6") / Thép: 20 mm (13/16")	Gỗ (Mũi khoét gỗ): 92 mm (3-5/8") / Thép: 20 mm (13/16")
3 tốc độ cơ	Lực siết tối đa Tối đa: 180 N·m / Cứng: 150 N·m	Tối đa: 180 N·m / Cứng: 150 N·m
Đầu cấp không khóa	Mềm, Cao / Vừa / Thấp: 28 / 36 / 88 N·m / Cao / Vừa / Thấp: 25 / 30 / 41	Mềm, Cao / Vừa / Thấp: 28 / 36 / 88 N·m / Cao / Vừa / Thấp: 25 / 30 / 41
Có lý hợp	Khả năng đầu cấp 13 mm (1/2")	13 mm (1/2")
Khởi động êm	Độ rung* Khoan vào kim loại: 2.5 m/s ² hoặc thấp hơn	Khoan vào tường: 6.8 m/s ² / Khoan vào kim loại: 2.5 m/s ² hoặc thấp hơn
Có đèn	Độ rung K* 1.5 m/s ² / Độ ồn áp suất* 81 dB(A) / Độ ồn âm thanh* 89 dB(A) / Độ ồn K* 3 dB(A)	1.5 m/s ² / 88 dB(A) / 96 dB(A) / 3 dB(A)
Hộp đựng đồ	Kích thước (L x W x H) 196 x 86 x 284 mm (BL4040F) / Trọng lượng 2.8F kg (BL4020) - 4.0 kg (BL4080F)	197 x 86 x 284 mm (BL4040F) / 2.8F kg (BL4020) - 4.0 kg (BL4080F)
*EN62841-2-1		
Phụ kiện kèm theo:		
DF003GZ: Tay cầm bên (122J21-3), 2 vít (+) M4X12 (251314-2), móc treo (346317-0), phụ kiện giữ mũi vít (452947-8), 2 mũi vít 2-45 (+/-) (784637-8)		
HP003GZ: Tay cầm bên (122J20-5), 2 vít (+) M4X12 (251314-2), móc treo (346317-0), phụ kiện giữ mũi vít (452947-8), 2 mũi vít 2-45 (+/-) (784637-8), thước canh độ sâu (122576-8)		

Trọng lượng có thể khác nhau tùy thuộc vào phụ kiện đi kèm, bao gồm cả bộ pin. Sự kết hợp nhẹ nhất và nặng nhất, tùy theo tiêu chuẩn EPTA 01/2014, được hiển thị trong bảng. Các phụ kiện kèm theo và thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo quốc gia hoặc khu vực.

[A4-102025-1]

CÔNG TY TNHH MAKITA VIỆT NAM

Kho 4-5-6, Block 16, 18L1-2, Đường số 3, KCN VSIP II, P. Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0274 362 8338 - Fax: 0274 362 8339 - Website: www.makita.com.vn

CHI NHÁNH CTY TNHH MAKITA VN TẠI MIỀN BẮC
Kho 5, Số 1, Đường 6, KCN - DT - DV VSIP, P. Từ Sơn, Bắc Ninh
ĐT: 0222 376 5942

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tổ 15 và Số 4 Ngõ 63 Trường Chinh, P. Phương Liệt, TP. Hà Nội
ĐT: 0243 202 2585

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Số 40, Đường Chi Lăng, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0236 352 5079 / 0236 352 5179
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
CHI NHÁNH CẦN THƠ
366 Võ Văn Kiệt, Khu Vực 5, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
ĐT: 0292 389 4358

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
CHI NHÁNH BUỒN MA THUẬT
88 Lê Đức Thọ, P. Bùn Ma Thuật, Bắc Lát
ĐT: 0262 355 4556
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Số 01 Lê Hồng, P. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
ĐT: 0225 883 1529

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
CHI NHÁNH NHA TRANG
Lô 36-38 Đường B6, Khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, P. Tây Nha Trang, Khánh Hòa
ĐT: 0258 220 0039
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH
Số 12 Trịnh Văn Cấn, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0283 821 5191